

BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬA
Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Căn cứ Báo cáo số 170/BC-HĐTĐ ngày 09/01/2023 của Hội đồng thẩm định về kết quả thẩm định Quy hoạch tỉnh Lai Châu và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tại văn bản số 199/UBND-TH ngày 16/01/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu (cơ quan lập quy hoạch tỉnh) báo cáo kết quả tiếp thu, giải trình chỉnh sửa hồ sơ Quy hoạch tỉnh sau thẩm định như sau:

1. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch và việc tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP

Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu đã bổ sung tài liệu thể hiện việc lập quy hoạch tỉnh đã tuân thủ đầy đủ các bước của quy trình lập quy hoạch tỉnh, được thể hiện ở 5 bước chính, đó là: (1) Xác định chủ trương lập quy hoạch tỉnh; (2) Xây dựng nhiệm vụ và chọn tư vấn lập quy hoạch; (3) Thực hiện công tác phối hợp, triển khai lập quy hoạch tỉnh; (4) Tổ chức lấy ý kiến góp ý quy hoạch lần 1 và lần 2 theo quy định; (5) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý quy hoạch (*cụ thể tại Phần Mở đầu, Mục V.4 về Quy trình lập Quy hoạch*).

2. Về sự phù hợp của quy hoạch tỉnh với quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch

2.1. Về căn cứ lập Quy hoạch: Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu đã được rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các căn cứ lập quy hoạch theo phụ lục của Báo cáo thẩm định, đồng thời, tiếp tục cập nhật các căn cứ mới ban hành sau thời điểm ban hành Báo cáo thẩm định (*cụ thể tại Phần 1. Căn cứ lập Quy hoạch của Hồ sơ Phụ lục Thuyết minh Quy hoạch*).

2.2. Về kết cấu của Báo cáo quy hoạch: Báo cáo quy hoạch tỉnh đã được rà soát, bổ sung, hoàn thiện kết cấu chung để đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

3. Về nội dung chủ yếu của quy hoạch

3.1. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh

- Về sử dụng số liệu, thông tin: Hồ sơ Quy hoạch đã rà soát, thống nhất, cập nhật số liệu về: i) Diện tích đất lâm nghiệp theo Quyết định số 1435/QĐ-BTNMT ngày 22/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (số liệu năm 2019 nên được giải ở phụ chú); ii) Nguồn nhân lực, tỷ lệ hộ nghèo, phân tích xu hướng di cư thuần; iii) Tài nguyên.

- Hồ sơ đã bổ sung: i) Phân tích, đánh giá về đặc trưng và tác động văn hoá, dân tộc đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ii) Vị thế của tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc; iii) Rà soát, cập nhật Kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh tỉnh Lai Châu phù hợp kịch bản biến đổi khí hậu 2020 do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo Công văn số 8272/BTNMT-BĐKH ngày 31/12/2021; iv) Rà soát nội dung bồi cảnh quốc tế tác động đến thời kỳ quy hoạch tỉnh; v) Bổ sung dự báo, đánh giá các tác động, các xu hướng ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

3.2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

- Hồ sơ đã rà soát, đảm bảo cập nhật số liệu theo giai đoạn đánh giá 2011-2020 và có bổ sung các số liệu cập nhật hơn cho năm 2021 và 2022 (tùy sự có sẵn của số liệu).

- Về đánh giá về hiện trạng kinh tế: Hồ sơ đã bổ sung phân tích, đánh giá các thay đổi về tăng trưởng GRDP (*tại phần II, mục I.1.1 về tăng trưởng kinh tế và mục I.1.2 chuyển dịch cơ cấu kinh tế*), thu ngân sách (*tại phần II, mục I.1.4 về Thu, chi ngân sách*) qua các năm. Đồng thời hồ sơ đã thực hiện so sánh các chỉ tiêu hiện trạng kinh tế - xã hội (cơ bản) của tỉnh với các chỉ tiêu tương ứng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và bình quân chung cả nước (đối với một số chỉ tiêu quan trọng) (*tại phần I, mục IV về vị thế và vai trò của tỉnh*).

- Về đánh giá về hiện trạng xã hội: Hồ sơ đã bổ sung đánh giá về tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm (*tại phần II, mục II.1.5 về Tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm*); tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp (*tại phần II, mục II.6.2 về BHXH và BHTN*); phát triển thị trường lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức sàn giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu (*tại phần II, mục II.6.4 về Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm*); vấn đề di chuyển lao động từ Lai Châu đến các địa phương khác (*tại phần II, mục II.1.6*); tình hình thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em,... (*tại phần II, mục II.6.3. về Bảo trợ, trợ giúp xã hội*).

- Về thực trạng phân bố không gian: Hồ sơ đã bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng phân bố không gian của các hoạt động kinh tế - xã hội (*tại Phần III, mục IV*).

- Về thực trạng phát triển ngành công nghiệp - xây dựng: Hồ sơ đã i) làm rõ nội dung phân tích, đánh giá đối với từng nhóm ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh theo các chỉ tiêu phản ánh quy mô và trình độ phát triển (*tại Phần II, Mục I.2.1*); ii) làm rõ lợi thế lợi thế, tiềm năng phát triển công nghiệp và khả năng thu hút các hoạt động đầu tư và các ngành sản xuất mới trên địa bàn (*tại Phần II, Mục I.2.2*).

- Về thực trạng phát triển nông nghiệp: Hồ sơ đã làm rõ: i) quy mô, tiềm năng, lợi thế so sánh của nông nghiệp Lai Châu, trong đó có tiềm năng phát triển lâm nghiệp (*cụ thể hơn tại Báo cáo đề xuất nội dung tích hợp: Thực trạng và phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu*); ii) những tồn tại trong chính sách phát triển và trong tổ chức và liên kết sản xuất nông nghiệp hiện nay, có so sánh với các địa phương trong vùng và nước bạn; iii) kết quả đạt được sau khi thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012; iv) đánh giá các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung và từng nhóm sản phẩm chủ yếu theo các tiêu chí về năng suất, chất lượng, sản lượng (*cụ thể hơn tại Báo cáo đề xuất nội dung tích hợp: Thực trạng và phương án phát triển các vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh; và v) các thông tin chi tiết về sản phẩm OCOP, sở hữu trí tuệ (tại Phần III, mục I.3.5)*).

- Về thực trạng phát triển ngành du lịch: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ: (i) Cơ cấu khách quốc tế và thị hiếu theo các khu vực thị trường lớn đối với Lai Châu; (ii) Thực trạng phát triển xét theo từng loại hình du lịch cụ thể; (iii) Các mối quan hệ liên kết giữa các ngành, các địa phương trong Vùng và các trung tâm du lịch lớn trong phát triển du lịch; iv) Bổ sung hạn chế về kết nối Lai Châu với các địa phương khác và giữa các địa bàn trong tỉnh (*cụ thể hơn tại Báo cáo đề xuất nội dung tích hợp: Thực trạng phát triển ngành Du lịch và định hướng phát triển ngành, hệ thống các Khu, Điểm Du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về thực trạng ngành dịch vụ: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ: i) sự phát triển và phân bố của hệ thống các cơ sở thương mại, dịch vụ trên địa bàn (*tại Phần III, mục IV.3. về Khu Thương mại dịch vụ*); tiềm năng phát triển các hoạt động xuất nhập

khẩu và kinh tế biên mậu, cơ cấu và chủng loại hàng hóa xuất nhập khẩu của Lai Châu (*tại Phần II, mục I.4.2.3 về Thực trạng thương mại biên giới*).

- Về thực trạng phát triển nguồn nhân lực: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ: mức độ đáp ứng yêu cầu về giáo dục toàn diện, chất lượng cao và đào tạo nguồn nhân lực (*tại Phần II, mục II.6.4. Hoạt động giới thiệu việc làm*) và đã làm rõ nguyên nhân biến động trong đào tạo nghề (*tại Phần II, mục III.3. Chất lượng lao động*).

- Về thực trạng phát triển y tế: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ khả năng đáp ứng yêu cầu, nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ban đầu của hệ thống y tế cơ sở, của các bệnh viện tuyến Huyện/Tỉnh và Bổ sung thông tin về cơ sở y tế của Công an nhân dân (*tại Phần II, Mục II.5.1 và Phần III, mục I.1 về Kết cấu hạ tầng cơ sở y tế*).

- Về thực trạng phát triển văn hóa: Hồ sơ quy hoạch đã bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng gia đình, kết quả thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình của tỉnh (*tại Phần II, Mục II.4.1 về Hiện trạng văn hóa*).

- Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo: Hồ sơ quy hoạch đã i) làm rõ thời điểm đánh giá là năm học 2019-2020 so với 2010-2011 đối với một số chỉ tiêu nêu tại Phần II, Mục II.3.2.; ii) bổ sung số liệu đánh giá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp (*tại Phần II, Mục II.3.5*); tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn 2011-2022 theo từng vấn đề (*chi tiết hơn tại Báo cáo đề xuất nội dung tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về thực trạng phát triển khoa học và công nghệ: Hồ sơ đã chuyên mục hoạt động kiểm định phương tiện đo lường thành nội dung thuộc mục hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng (*tại Phần II, Mục II.7.2 về Hoạt động KH&CN*).

- Về đánh giá thực trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn: Hồ sơ đã i) đánh giá tính hợp lý của phân bố đô thị; ii) lý giải rõ nguyên nhân tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ở hai đô thị huyện Nậm Nhùn và huyện Than Uyên >80% nhưng các đô thị này vẫn là đô thị loại V (*tại phần III, mục II.1.2*); Phần đánh giá thực trạng phát triển nông thôn đã làm rõ các mô hình phát triển nông thôn cần phù hợp với điều kiện vùng núi biên giới của Lai Châu (*tại Phần III, Mục 2.1.2.*).

- Về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Hồ sơ đã bổ sung: i) Đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu phát triển; ii) Đánh giá rõ kết nối giữa các kết cấu hạ tầng giao thông (*tại phần III, mục III.1.6 về kết nối giao thông*); (iii) Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về giao thông đối với các hoạt động đầu tư phát triển các vùng trong tỉnh và phục vụ đời sống dân sinh (*Tại phần III, mục III.1.7. về đánh giá chung*); iv) Đánh giá thực trạng phát triển về vận tải, phương tiện vận tải, tăng trưởng khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách, các

luồng/tuyến vận tải hàng hóa, hành khách chính trên địa bàn tỉnh (*Tại phần III, mục III.1.5*) và cập nhật lại số liệu đường quốc lộ toàn quốc theo số liệu 24.321 km trong Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg.

- Về hạ tầng điện lực: Tình hình đầu tư các dự án thủy điện; tình trạng vận hành lưới điện trên địa bàn tỉnh; sản lượng điện tiêu thụ; tốc độ tăng trưởng phụ tải; diện tích chiếm đất; nguồn vốn đã đầu tư giai đoạn trước; tác động của các dự án thủy điện đến bảo vệ và phát triển rừng và dân sinh đã được trình bày chi tiết tại *Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu (3 hợp phần)* (là một phần của hồ sơ quy hoạch).

- Về hạ tầng cấp nước: Hồ sơ đã bổ sung nội dung Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng được cấp nước sạch bằng công trình nhà máy nước Ma Lù Thàng và các cụm công nghiệp có công trình xử lý và cấp nước riêng (*tại Phần III, Mục III.3.1.*).

- Về Khu kinh tế cửa khẩu: Hồ sơ quy hoạch đã bổ sung đánh giá kỹ hơn về hoạt động của các khu chức năng trong khu kinh tế (*tại Phần III, mục IV.1.1*).

- Về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của các khu, cụm công nghiệp đã được nêu rõ tại *Phần III, mục IV.1.2* và chi tiết hơn tại *Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển các ngành Công nghiệp, hệ thống các khu, Cụm công nghiệp tỉnh Lai Châu*.

3.3. Về thực trạng các kết cấu hạ tầng xã hội

- Về kết cấu hạ tầng văn hóa: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ hiện trạng mạng lưới cơ sở văn hóa, thể dục thể thao so với các chỉ tiêu tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 (*tại Phần III, mục V.3 về Kết cấu hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao và chi tiết cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các Dân tộc và hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về hạ tầng giáo dục và đào tạo: Hồ sơ đã trình bày đầy đủ các nội dung đánh giá về hạ tầng giáo dục và đào tạo theo loại hình, theo cấp, xét về số lượng, cơ cấu, địa điểm, diện tích đất chiếm dụng theo từng địa bàn của tỉnh, khả năng đáp ứng nhu cầu; nguồn lực đầu tư (*tại Phần III, mục V.2. về Kết cấu hạ tầng cơ sở giáo dục và chi tiết cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về hạ tầng giáo dục nghề nghiệp: Hồ sơ đã bổ sung đánh giá về thực trạng Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Lai Châu (*tại phần II, mục II.6.4 về Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm*).

- Về hạ tầng y tế: Đã trình bày nội dung về năng lực (nhân lực, trang thiết bị) của mạng lưới y tế cơ sở (xã, huyện, tỉnh) trong việc phối hợp phòng chống dịch bệnh (*tại Phần III, Mục V.1. về kết cấu hạ tầng cơ sở y tế và chi tiết cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển mạng lưới Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Hồ sơ đã bố cục thành các tiểu mục theo các đối tượng quy hoạch (*tại phần III, Mục III.6*).

- Về thực trạng sử dụng đất: Hồ sơ quy hoạch đã: i) bổ sung nội dung tiềm năng đất đai theo điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP (*tại Phần III, Mục I.4*); ii) rà soát, đảm bảo thống nhất lại số liệu về hiện trạng đất đai trên toàn báo cáo (iii) đánh giá biến động, xu thế chuyển dịch đất đai (*tại Phần III, mục I.2*).

- Về Quản lý chất thải rắn: hồ sơ đã **i**) thông nhất nội dung về: (1) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt; (2) Quản lý chất thải nguy hại; (3) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; (4) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt (*tại phần XII, Mục I.1.4.2*); **ii**) bổ sung nội dung đánh giá sự phù hợp với quy hoạch hiện hữu của các khu/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đang hoạt động hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn để từ đó điều chỉnh, bổ sung nội dung quản lý chất thải vào quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*tại Phần III, Mục III.7.2*).

3.4. Về đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức:

- Về các cơ hội: Hồ sơ đã bổ sung: i) Cơ hội/tiềm năng cho phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời); ii) Cơ hội mở rộng giao lưu thương mại của Trung Quốc với các nước ASEAN thông qua các cửa khẩu của Việt Nam, trong đó có Lai Châu.

- Về các điểm yếu, hạn chế/thách thức: hồ sơ đảm bảo lồng ghép các nội dung, điểm nghẽn như: (i) Nguồn nhân lực; (ii) Năng suất lao động; (iii) Hệ thống doanh nghiệp; (iv) Kết nối nhanh liên vùng trong phần đánh giá SWOT (*tại Phần IV, Mục IV.2 và IV.4*).

- Về các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến tỉnh: Hồ sơ quy hoạch đã rà soát, làm rõ tác động ảnh hưởng của định hướng phát triển các tỉnh lân cận tới định hướng phát triển của tỉnh Lai Châu (*tại Phần IV, Mục I.1.5*).

3.5. Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh

- Hồ sơ Quy hoạch đã nêu quan điểm phát triển gắn với tăng trưởng xanh và bảo vệ rừng đầu nguồn, phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Hồ sơ đã rà soát mục tiêu phát triển tổng quát cần rà soát, hoàn thiện để thể hiện được đích cần đạt được và phù hợp, thống nhất với kịch bản đã lựa chọn (kịch bản 2), phù hợp với các chủ trương, định hướng đã được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh nhiệm kỳ 2021-2025, đảm bảo tính khả thi; các mục tiêu như tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được xây dựng phù hợp với hiện trạng và đặc thù của tỉnh.

- Về xây dựng kịch bản và lựa chọn phương án phát triển: Hồ sơ đã: i) bổ sung các mục tiêu và định hướng phát triển của quốc gia, của vùng và các tỉnh lân cận trong Vùng (*tại Phần IV, mục I.1.5 và mục I.1.6.*); các kịch bản đã tương ứng với các mức độ thay đổi của các điều kiện khác nhau.

- Về không gian phát triển: hồ sơ đã làm rõ các yếu tố cấu thành trục động lực và các hoạt động kinh tế phân bố trên trục động lực (*tại Phần V, mục III.3.1.*); các nội dung mang tính mô tả về các vùng kinh tế đã được chuyển sang phần nội dung phân vùng kinh tế, vùng liên huyện.

- Về khâu đột phá và nhiệm vụ trọng tâm số 7 đẩy nhanh phát triển công nghiệp thủy điện vừa và nhỏ, Hồ sơ Quy hoạch đã chỉ rõ đưa vào sử dụng hầu hết các dự án đã được quy hoạch và cấp chủ trương đầu tư (là các dự án đã được đánh giá hiệu quả KT-XH và môi trường, đảm bảo không gây tổn hại lớn đến môi trường mới được cơ quan có thẩm quyền cấp chấp thuận chủ trương đầu tư).

3.6. Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh

- Phương án phát triển nông, lâm nghiệp: Hồ sơ đã i) Nêu các giải pháp cụ thể hơn (về đất canh tác, về chính sách, về nguồn lực...) (*tại phần IV, Mục V.1.4 và cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển các vùng sản xuất tập trung; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh*). ii) phân tích và giải trình tỷ lệ che phủ rừng, về trồng, bảo vệ và phát triển rừng và tính khả thi của phương án; iii) rà soát, xem xét tính hợp lý diện tích rừng sản xuất khai thác hàng năm nhằm phát huy hiệu quả của rừng sản xuất và phù hợp với mục tiêu thu hút doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất (*tại phần IV, Mục V.2. và cụ thể hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Báo cáo Thực trạng và phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu*); iv) đã nghiên cứu Quyết định 919/QĐ- TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 để định hướng các mục tiêu phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Lai Châu; (v) điều chỉnh nội

dung giải pháp về đất đai cho phù hợp với định hướng sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 (*tại Phần IV, mục V.1.4.7*);

- Hồ sơ đã đề xuất mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2030 (*tại Phần VIII, Mục 3.2.*).

- Về phương hướng phát triển công nghiệp: Hồ sơ quy hoạch đã (i) tính toán và luận giải cơ sở xác định mục tiêu tăng trưởng công nghiệp khai thác khoáng sản đạt 26%/năm căn cứ theo kết quả tính toán mô hình tăng trưởng và phù hợp với tiềm năng khoáng sản trên địa bàn, đồng thời đã làm rõ phương án khai thác và chế biến đất hiếm phù hợp với mục tiêu này (*tại Phần VI, Mục II.3.3 và Phụ lục 5b của Thuyết minh Quy hoạch*); bổ sung giải pháp phát triển vùng nguyên liệu (*tại Phần VI, Mục II.3.1*); (ii) Phương án quy hoạch sản xuất phân phối điện đã nghiên cứu và đề xuất các dự án năng lượng trên nguyên tắc thực hiện các dự án thủy điện tiềm năng nhưng không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường tự nhiên, bổ sung các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và thủy điện tích năng; (iii) tách nội dung Phân bố phát triển hệ thống các khu, cụm công nghiệp sang Phương án phát triển các khu chức năng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch (*tại phần VIII, mục I.4.*); iv) luận chứng về cơ sở bổ sung và hiện trạng đất đai đối với các cụm công nghiệp (CCN) dự kiến bổ sung quy hoạch đã được làm rõ và chi tiết hóa (*tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển các ngành Công nghiệp, hệ thống các khu, Cụm công nghiệp tỉnh Lai Châu*); v) luận chứng của sự cần thiết và tính khả thi của định hướng “Khuyến khích phát triển sản xuất cơ khí lắp ráp, chế tạo thiết bị, máy móc, phụ tùng” nhằm phục vụ nhu cầu nội tỉnh đã được nêu cụ thể (*tại Phần VI, Mục II.3.4.*).

- Về phương án phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch:

+ Về định hướng phát triển thương mại: Hồ sơ quy hoạch đã (i) luận chứng phát triển thương mại dịch vụ gắn với phương án phát triển các trung tâm đô thị và trục kinh tế động lực và với nội dung phát triển kinh tế biên mậu (*tại Phần VI, Mục III.3.2*); (ii) định hướng phát triển các hình thức bán lẻ, các hoạt động xuất, nhập khẩu, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng đã được tích hợp trong nội dung về kinh tế biên mậu đã nêu trên; (iii) luận giải cơ sở đề xuất mở thêm một cửa khẩu quốc gia tại huyện Mường Tè (chi tiết tại *Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển ngành Thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lai Châu*); (iv) bổ sung phương án phát triển về không gian đối với từng lĩnh vực thương mại (*tại Phần VI, Mục III.4.2*); (v) đã bổ sung giải pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học trong thương mại.

+ Về định hướng phát triển du lịch, Hồ sơ Quy hoạch đã: (i) nêu rõ các tuyến, chuỗi du lịch gắn với các sản phẩm du lịch đặc thù, các định hướng phát

triển các cơ sở lưu trú và cung ứng dịch vụ du lịch trên địa bàn và định hướng phát triển tập trung một số điểm du lịch cộng đồng để quảng bá hình ảnh, con người Lai Châu (*tại Phần VI, mục IV.3.3 và mục IV.3.4 và làm rõ hơn tại Báo cáo nội dung đề xuất tích hợp Thực trạng phát triển ngành Du lịch và định hướng phát triển ngành, hệ thống các Khu, Điểm Du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh Lai Châu*); (ii) bổ sung quan phát triển du lịch sinh thái, gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (*tại Phần VI, mục IV.1.1. về quan điểm phát triển*); (iii) đã bổ sung giải pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học trong du lịch (*tại Phần VI, mục IV.5.8. về giải pháp BVMT và PTBV*).

- Về phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao: Quy hoạch đã (i) bổ sung quan điểm phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao thiết thực cho đồng bào, nhất là tại các làng, bản theo nguyên tắc chú trọng bảo tồn làng bản truyền thống, tránh mai một bản sắc của đồng bào 20 dân tộc sinh sống và góp phần tạo sản phẩm du lịch riêng biệt (*tại Phần VI, mục I.1.1.1. Quan điểm phát triển*); (ii) phương hướng bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, các mục tiêu, định hướng (*tại Phần VI, mục I.1.3.1*); (iii) định hướng phát triển gia đình bền vững đã được nêu rõ (*tại Phần VI, mục I.1.3.3*); (iv) đề xuất phát triển công nghiệp văn hóa dựa vào du lịch văn hóa cho phù hợp với tiềm năng của tỉnh (*tại Phần VI, mục I.1.3.1*).

- Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo: Hồ sơ Quy hoạch đã: (i) rà soát đảm bảo nội dung cô đọng, không trùng lặp và số liệu chính xác, thống nhất; (ii) Rà soát, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp với hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; (iii) đưa ra quan điểm về giáo dục phổ thông mới; giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt, hòa nhập và triển giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật (*tại Phần VI, mục II.1.1.*).

3.7. Về tổ chức không gian các hoạt động kinh tế-xã hội: Quy hoạch đã: (i) bổ sung luận giải đảm bảo phân bổ không gian phát triển của tỉnh dựa trên phân vùng môi trường, phân vùng chức năng nguồn nước, phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản và tác động của biến đổi khí hậu; (ii) xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển (*tại Phần VIII, Mục I.4*); cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên vùng, liên huyện của 2 vùng kinh tế được luận giải thông qua nội dung Kết nối kết cấu hạ tầng (*tại Phần VIII, Mục II*).

3.8. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, bao gồm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn: Hồ sơ Quy hoạch đã: (i) đề xuất, sắp xếp, tổ chức hệ thống đô thị gắn với phát triển dịch vụ du lịch, sự liên kết theo các trục hành lang kết nối với các tỉnh lân cận (Lào Cai,

Điện Biên, Yên Bái), có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đặc biệt đối với việc bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn; (ii) Nghiên cứu những nguyên tắc định hướng bản sắc đặc trưng cho các đô thị; (iii) Căn cứ theo Luật Quy hoạch và các văn bản quy phạm liên quan, chi tiết phương án thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị sẽ được xây dựng cụ thể tại các Quy hoạch xây dựng cấp thấp hơn, cụ thể là các Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch vùng huyện và Quy hoạch chung các xã; (iv) Đã rà soát, bảo đảm thống nhất số lượng đô thị trong thời kỳ quy hoạch.

3.9. Phương án phát triển các khu chức năng đã được cấu trúc lại và trình bày tập trung tại Phần VIII, mục I.

3.10. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được Quy hoạch tách thành 02 nội dung và bố trí ở 2 đầu mục khác nhau (*Phần VIII, Mục IV và Phần VI, Mục V.1.3.2*) để đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định nhưng vẫn đảm bảo sự kết nối giữa các nội dung trình bày.

3.11. Phương án phân bố điểm dân cư: Hồ sơ Quy hoạch đã định hướng bố trí tập trung với các định hướng ưu tiên đầu tư cho thực hiện các phương án quy hoạch các điểm dân cư ở vùng biên để vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, vừa đảm nhận vai trò bảo vệ lãnh thổ vùng biên giới. Đồng thời, đối với khu vực thôn, đã bổ sung chính sách, giải pháp hỗ trợ xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ đối với các vùng khó khăn, đặc biệt các xã nông thôn khu vực biên giới (*chi tiết tại Phần VIII, mục IV và chi tiết hơn tại báo cáo đề xuất nội dung tích hợp Thực trạng phân bố dân cư nông thôn và Phương án quy hoạch phân bố dân cư nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; sắp xếp, bố trí ổn định các điểm dân cư tại những vùng: Thiên tai; đặc biệt khó khăn; biên giới; di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

3.12. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực đã được bổ sung (*tại Phần VIII, Mục I.2. và mục I.3*).

3.13. Phương án phát triển giao thông vận tải

Hồ sơ Quy hoạch đã (i) bổ sung mục tiêu đến năm 2030 về khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách; (ii) bổ sung chỉ tiêu về vận tải hành khách công cộng (*tại Phần IX, Mục I.2*); (iii) xác định theo hướng quy mô tối thiểu đối với đường tỉnh và huyện; xác định quy mô phù hợp với quy hoạch đô thị cho các đoạn qua đô thị; (iv) danh mục các dự án ưu tiên kết nối và hạ tầng giao thông được chi tiết *tại Phụ lục 14 của thuyết minh quy hoạch*; (v) bổ sung cập nhật thông tin tuyến cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13); tuyến quốc lộ 4D, 12, 32 (*tại Phần*

IX, mục I.3.1); (vi) bổ sung quy hoạch các tuyến kết nối các phương thức vận tải, đầu mối giao thông trên địa bàn tỉnh (*tại Phần IX, mục I.3.4*).

- Về đường thủy nội địa: Hồ sơ quy hoạch đã đảm bảo nội dung quy hoạch cụm cảng Lai Châu, phương án quy hoạch cảng thủy nội địa đã phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu thông qua hàng hóa, hành khách vận tải bằng phương thức đường thủy nội địa và tuân thủ quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.

- Về hàng không: Phương án quy hoạch cảng hàng không đã phù hợp với nội dung Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bên cạnh đó, tỉnh Lai Châu đề xuất phát triển Cảng hàng không Lai Châu quy mô 3C dự trữ cấp 4C để phục vụ tầm nhìn phát triển dài hạn.

3.14. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện:

- Quy hoạch đã (i) trình bày mục tiêu và định hướng phương án phát triển mạng lưới điện (*Tại phần IX, mục IV.1 đến mục IV.3*); (ii) Báo cáo nội dung tích hợp Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu (3 hợp phần) đã trình bày chi tiết các nội dung: dự báo tốc độ tăng trưởng phụ tải các khu vực, nhu cầu điện các giai đoạn, nhu cầu đất cho công trình điện, khối lượng đầu tư và nhu cầu vốn đầu tư các giai đoạn; luận giải việc đề xuất xây mới và nâng công suất các trạm 110 kv; (iii) nội dung “Xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải đảm bảo truyền tải hết khoảng 4.962MW công suất của các dự án thủy điện, điện gió” đã căn cứ theo danh mục các dự án, theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tính toán trên thực tế và tiềm năng của tỉnh.

- Về phát triển nguồn điện: Hồ sơ Quy hoạch đã bổ sung luận giải đề xuất phát triển các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo hướng không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, danh mục các dự án thủy điện nhỏ hơn 10MW (*tại Báo cáo nội dung tích hợp Báo cáo Thực trạng và Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh Lai Châu (3 hợp phần)*), Các công trình thủy điện không đảm bảo hiệu quả kinh tế, có chiếm dụng rừng tự nhiên, ảnh hưởng đến dân cư và có tác động xấu đến môi trường sẽ được tỉnh kiên quyết loại bỏ trong quá trình triển khai thực hiện.

3.15. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải:

- Quy hoạch đã: (i) rà soát các mục tiêu, chỉ tiêu về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại để phù hợp với Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018,

Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022; (ii) bổ sung mục tiêu về thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt (*tại Phần XI, mục I.1.4.2. và Phần VIII, mục III.2*); (iii) nêu định hướng đầu tư các nhà máy xử lý chất thải rắn theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hạn chế chôn lấp; bổ sung các giải pháp để giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp; bổ sung nội dung phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*tại Phần XI, mục I.1.4.3*).

- Về nội dung định hướng xây dựng các bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh quy mô 2-3 ha là giải pháp phù hợp với quy mô dân số, tập quán sinh hoạt của người dân Lai Châu. Đồng thời, quy hoạch cũng nêu định hướng về lộ trình chuyển đổi, loại bỏ các khu xử lý chất thải có quy mô, công suất nhỏ để thay bằng việc sử dụng công nghệ chôn lấp hiện đại đảm bảo vệ sinh và an toàn cho môi trường.

- Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã bổ sung dự báo về chất thải rắn tại các đô thị, khu vực sản xuất để đưa ra phương án xử lý chất thải rắn phù hợp (*Chương 3, mục 3.6*).

3.16. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

- Hồ sơ Quy hoạch đã (i) trình bày phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp học đảm bảo phù hợp, gắn với định hướng phát triển giáo dục và đào tạo, đảm bảo giải quyết các bất cập, hạn chế, vướng mắc về thực trạng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh và gắn với việc bố trí không gian phát triển (*tại Phần VII, mục II.4*); (ii) rà soát đảm bảo phương án phát triển các cơ sở hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội phù hợp với nhu cầu của tỉnh và định hướng không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này (*chi tiết tại Phần VII, mục IV.4*).

Đối với phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển hòa nhập và gắn với bố trí không gian phát triển: hiện tại Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của Quốc gia đang trong quá trình xây dựng do đó Tỉnh Lai Châu chưa có căn cứ để cụ thể hóa nội dung này trong quy hoạch. Tuy nhiên, để các định hướng mang tính mở, có khả năng điều chỉnh phù hợp với các Quy hoạch cấp trên sẽ được phê duyệt, tỉnh Lai Châu đã bổ sung nội dung này một cách phù hợp nhất (*tại Phần VII, Mục IV.4 về phương án phát triển hạ tầng mạng lưới cơ sở an sinh xã hội*).

3.17. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ: Nội dung quy hoạch tỉnh không đề xuất khu thực nghiệm khoa học và công nghệ; có đề xuất khu nghiên cứu về cây trồng đảm bảo phù hợp với điều kiện của tỉnh và bố trí không gian làm việc chung cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm Kiểm định và Phát triển khoa học, công nghệ.

3.18. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Hồ sơ Quy hoạch đã được xây dựng cơ bản theo các đối tượng quy hoạch được quy định tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 trên cơ sở căn cứ nhu cầu sử dụng đất để phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy, chữa cháy; phương án quy hoạch mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng Cảnh sát PCCC đã được tích hợp trên cơ sở phối hợp với Công an tỉnh Lai Châu, đảm bảo mỗi huyện có tối thiểu 01 đội PCCC và CNCH.

3.19. Phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện

Hồ sơ đã luận giải chi tiết, bổ sung số liệu và đảm bảo việc cân đối, tính toán và đầy đủ theo các ý kiến kết luận của báo cáo thẩm định tại mục 2.4.2.2, tiêu mục n về cơ sở tính toán, đáp ứng chỉ tiêu theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022, các định hướng khoanh vùng đất đai, các phương án phân bố, rà soát số liệu hiện trạng về đất an ninh (*cụ thể tại Phần III, Mục I và Phần X của Thuyết minh Quy hoạch và chi tiết hơn tại Nội dung Phương án đề xuất “Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050”*).

3.20. Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn

- Hồ sơ Quy hoạch đã nghiên cứu sử dụng thông tin, dữ liệu của Kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phiên bản cập nhật năm 2020.

- Về nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh: Hồ sơ quy hoạch đã bao gồm các nội dung về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khu xử lý chất thải tập trung; mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí.

- Về phương án phân vùng môi trường: Hồ sơ quy hoạch đã bổ sung các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh (*tại phần XII, mục I.1.3.2*).

- Về phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Hồ sơ quy hoạch đã làm rõ và bổ sung các đối tượng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh bao gồm: khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định (*tại Phần XII, Mục II.2.3 và cụ thể hóa trong Báo cáo phương án đề xuất tích hợp Thực trạng và phương án phát triển Lâm nghiệp, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lai Châu*).

- Về phương án phát triển thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản: Hồ sơ quy hoạch đã i) bổ sung nhu cầu sử dụng khoáng sản cho thời kỳ quy hoạch (*tại*

Phần XII, Mục II.3.1); ii) rà soát, hạn chế không đưa vào quy hoạch những điểm khai thác khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sạt lở bờ sông, đe dọa điều và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân; iii) bổ sung ranh giới, quy mô trữ lượng, diện tích với các quy hoạch thuộc lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ có liên quan đảm bảo thống nhất về nội dung và đúng thẩm quyền (*Nội dung chi tiết tại Phần XII, Mục II và Các Phụ lục 1, 11a, 11b, 11c, 11d, 11đ, 11e, 11g, 11h của Thuyết minh Quy hoạch*).

- Về Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Hồ sơ quy hoạch đã (i) rà soát, bổ sung đầy đủ các nội dung để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 11 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP (*tại Phần XII, Mục III*); (ii) việc xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông suối chính trong kỳ quy hoạch được tính toán theo phương pháp chuyên gia và theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017; (iii) đảm bảo thuyết minh rõ cơ sở xác định nhu cầu khai thác sử dụng nước của các ngành sử dụng nước chính theo các tháng trong năm đối với từng tiểu vùng quy hoạch (Bảng 107) và thứ tự ưu tiên phân bổ cho các ngành khai thác, sử dụng nước đối với từng tiểu vùng quy hoạch (*tại Phần XII, Mục III.3.6.*); (iii) trình bày kết quả tính toán lượng nước có thể dự phòng và rà soát tính khả thi của các phương án khai thác dự phòng (*tại Phần XII, Mục III.3.7*), (iv) trình bày Danh mục các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng tài nguyên nước được tích hợp chung với nội dung về công trình thủy lợi (*tại Danh mục dự án - Phụ lục 14 của Thuyết minh quy hoạch*); (v) Các vị trí đặt trạm thuộc Hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; nguồn nước giám sát được trình bày *tại Bảng 123 và Phụ lục 13 của Thuyết minh quy hoạch*; (vi) bổ sung nội dung “Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước thông qua việc kết nối, truyền dữ liệu về hệ thống giám sát theo quy định” vào nhóm giải pháp phi công trình.

- Phương án ứng phó với biến đổi khí hậu đã đảm bảo phương án ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh phù hợp với tình hình ở từng địa bàn cụ thể, các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đồng thời góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

3.21. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện: đã được rà soát, bổ sung các dự án phù hợp và loại bỏ các dự án không phù hợp trong Danh mục các dự án của tỉnh (*tại phụ lục 13 của thuyết minh quy hoạch và phụ lục*

XVIII của dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch), đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

4. Về hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch

Hệ thống các bản đồ về nội dung và hình thức đã được lập phù hợp với nội dung Báo cáo quy hoạch và theo đúng quy định tại Phần IX Phụ lục kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu đã nêu tại Mục 2.4.1.5 của Báo cáo thẩm định.

Cơ sở dữ liệu quy hoạch đã cập nhật, bổ sung, hoàn thiện đảm bảo có đầy đủ nhất các thông tin quy hoạch theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021.

5. Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch

Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch đã được rà soát, điều chỉnh theo nội dung tham gia tại văn bản số 1056/BTNMT-TCMT ngày 02/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với Quy hoạch tỉnh Lai Châu.

Về tổng thể, Hồ sơ quy hoạch đã rà soát các nội dung về hiện trạng, phương hướng, phương án phát triển, các dự án trong Danh mục các dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện đảm bảo thống nhất xuyên suốt trong Báo cáo quy hoạch, Hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

6. Về giải trình các ý kiến cụ thể của các thành viên Hội đồng thẩm định

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Trên đây là báo cáo kết quả tiếp thu, giải trình chỉnh sửa hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, THQH.

GIÁM ĐỐC

Phạm Ngọc Phương